



Số: 2704/2024/SMT-KTTC
V/v: Giải trình biến động kết quả
SXKD so với cùng kỳ năm 2022, chênh
lệch số liệu trước và sau kiểm toán.

TP.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2024

Kính gửi:

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần SAMETEL
- Trụ sở chính : Đường số 1 – Khu công nghiệp Long Thành - Tỉnh Đồng Nai
- Mã chứng khoán : SMT

Thực hiện theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

1. Công ty Cổ phần Sametel xin được giải trình biến động kết quả SXKD so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	So sánh 2023/2022
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng	178,936,412,988	340,105,925,778	-47.39%
Giá vốn hàng bán	165,323,494,171	310,925,032,987	-46.83%
Chi phí tài chính	6,294,605,869	10,755,251,913	-41.47%
Chi phí bán hàng	4,473,677,409	23,373,750,543	-80.86%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,265,919,978	10,785,429,643	-51.18%
Lợi nhuận khác	316,303,068	15,889,357,524	-98.01%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-3,067,921,949	611,787,330	-601.47%
Thuế TNDN	234,013,047	51,336,219	355.84%
Lợi nhuận kế toán sau thuế	-3,301,934,996	560,451,111	-689.16%

- Doanh thu bán hàng so với năm 2022 giảm 47.39% do Công ty cơ cấu lại ngành nghề sản xuất.
- Giá vốn hàng bán so với năm 2022 giảm 46.83% tương ứng với Doanh thu.
- Chi phí tài chính so với năm 2022 giảm 41.47% do Công ty tăng dư nợ vay để thực hiện các đơn hàng và tỷ giá ngân hàng biến động.
- Chi phí bán hàng so với năm 2022 giảm 80.86% do Công ty đang thực hiện tái cấu trúc Công ty.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 51.18% so với năm 2022 do giảm nhân viên.
- Trong năm Công ty thực hiện tái cấu trúc toàn bộ hệ thống Công ty đã thanh lý toàn bộ các máy móc thiết bị của một số mảng kinh doanh không hiệu quả dẫn tới Lợi nhuận khác giảm 98.01%.
- Những nguyên nhân trên làm lợi nhuận sau thuế năm 2023 của công ty giảm 689.16% so với năm 2022.

2. Công ty cổ phần SAMETEL xin giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán như sau:

Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch (VND)
	Năm 2023	Năm 2023	
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng	178,936,412,988	178,936,412,988	-
Giá vốn hàng bán	160,718,087,713	165,323,494,171	4,605,406,458
Doanh thu hoạt động tài chính	212,333,914	212,333,914	-
Chi phí tài chính	6,155,585,869	6,294,605,869	139,020,000
Chi phí bán hàng	4,427,889,308	4,473,677,409	45,788,101
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,277,078,065	5,265,919,978	- 11,158,087
Lợi nhuận khác	(88,242,387)	316,303,068	404,545,455
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1,306,589,068	-3,067,921,949	- 4,374,511,017
Thuế TNDN	140,918,354	234,013,047	93,094,693
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1,165,670,714	-3,301,934,996	- 4,467,605,710

- Giá vốn bán hàng tăng thêm 4,605,406,458 VNĐ do hạch toán bổ sung thêm trích lập dự phòng dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời tại nhà máy của Angimex.
- Chi phí tài chính tăng thêm 139,020,000VND do hạch toán bổ sung dự phòng chứng khoán kinh doanh.
- Chi phí bán hàng tăng thêm 45,788,101VND do trích lập bổ sung khấu hao.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 11,158,087VND do giảm lao động.
- Lợi nhuận khác tăng 404,545,455VND lên do thu nhập khác tăng lên.
- Thuế TNDN tăng 93,094,693VND do tính lại.
- Từ các nguyên nhân trên dẫn tới Lợi nhuận kế toán sau thuế của Doanh nghiệp giảm 4,467,605,710VND.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Chi Phương